

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-ST

Ngày: 28 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hữu Tấn.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Địa chỉ: Đường A, khóm B, phường C, thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Bà Nguyễn Đức Thạch D. Là người đại diện theo pháp luật của Sacombank (Tổng Giám đốc).

- Ông Trần Minh S – Giám đốc Chi nhánh An Giang. Địa chỉ: đường A, khóm B, phường C, thành phố L, tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền số 1186/2020/GUQ-PL, ngày 07/05/2020 của Tổng Giám đốc về việc ủy quyền ký kết các hợp đồng và thẩm quyền tham gia tố tụng).

- Ông Phạm Thái B – Phó phòng giao dịch L – Chi nhánh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 14/12/2020 của Giám đốc Chi nhánh An Giang; có mặt.

***2. Nguyên đơn:*** Bà Văn Thị Thu H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 160/4, tổ 4, đường A, khóm B, phường C, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Thái B trình bày:*

Ngày 14/5/2019, bà Văn Thị Thu H có vay tín chấp tại Ngân hàng T – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch L số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ, số LD1913700166 ngày 17/05/2019 được ký kết giữa bà H với đại diện hợp pháp của Ngân hàng nên vào ngày 17/5/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho bà H vay số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*); mục đích vay: Tiêu dùng; thời hạn vay 03 năm; lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi vay, bà H chỉ thanh toán được số tiền 24.605.472 đồng (*Hai mươi bốn triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng*) thì ngưng, không tiếp tục thanh toán lãi cũng như thanh toán vốn mặc cho Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện để bà H trả nợ. Do đó, vào ngày 14/12/2020, Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ gồm: 65.122.830 đồng (*Sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng*); trong đó Nợ gốc là 54.400.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*), Nợ lãi là 10.722.830 đồng (*Mười triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng*); đồng thời yêu cầu bà H tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán nợ xong.

*Bị đơn của vụ án là bà Văn Thị Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.*

*Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm,*

- Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông B vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.
- Bị đơn bà Văn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Văn Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết; bị đơn bà H không có đăng ký kinh doanh nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là

“*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Văn Thị Thu H với tư cách là bị đơn của vụ án có nơi cư trú tại đường A, khóm B, phường C, thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

[1.3] Bị đơn của vụ án là bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án do Sacombank cung cấp, căn cứ vào lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông Phạm Thái B trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn ngày 14/5/2019; cho thấy, vào ngày 17/5/2019, bà H có ký kết với Ngân hàng Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch L để vay tín chấp theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ, số LD1913700166 ngày 17/05/2019 vay số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H chỉ thanh toán được số tiền vốn và lãi là 24.605.472 đồng (*Hai mươi bốn triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng*) thì ngưng nên vào ngày 14/12/2020, Ngân hàng có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố L yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ gồm: 65.122.830 đồng (*Sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng*); trong đó Nợ gốc là 54.400.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*), Nợ lãi là 10.722.830 đồng (*Mười triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng*); đồng thời Sacombank còn yêu cầu bà H tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Đối chiếu với quy định này thì Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh của mình. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là bà H vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa; không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Như vậy, đã có căn cứ xác định Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ, số LD1913700166 ngày 17/05/2019 mà bà H với đại diện hợp pháp của Sacombank ký kết là có thật; hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, do bà H đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện

yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 28/5/2021 là: 76.331.864 đồng (*Bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*); trong đó: Nợ gốc là 54.400.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*); lãi trong hạn 14.688.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi tám đồng*); lãi quá hạn 7.243.864 đồng (*Bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*); đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nghĩ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Sacombank số tiền tạm ứng án phí đã nộp 526.000 đồng (*Năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007459 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là 76.331.864 đồng x 5% = 3.816.593 đồng, làm tròn 3.817.000 đồng (*Ba triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 14, khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Buộc bị đơn bà Văn Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T Chi nhánh An Giang đại diện nhận) tổng số tiền cả vốn lẫn lãi tính đến ngày 28/5/2021 là 76.331.864 đồng (*Bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*); trong đó: Nợ gốc là 54.400.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*); Nợ lãi là 21.931.864 đồng (*Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Văn Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

## **2. Án phí:**

Bà Văn Thị Thu H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 3.817.000 đồng (*Ba triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng*).

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng T (Ngân hàng T Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 526.000 đồng (*Năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007459 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

## **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THA DS Tp.L;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Xuân Thu**